

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN YÊN
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 30-08-2022

V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN YÊN, TỈNH YÊN BÁI.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Thoảng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Tấn

Ông Trần Hoài Sơn

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Tiến Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Bích Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 08 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 147/2022/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 06 năm 2022 về việc: Ly hôn. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 08 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 45/2022/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 08 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1971

Địa chỉ: Thôn N, xã C, huyện V, tỉnh Yên Bái (có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Danh N (tên gọi khác Nguyễn Danh L), sinh năm 1969

Địa chỉ: Thôn N, xã C, huyện V, tỉnh Yên Bái (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày: Tôi và anh Nguyễn Danh N kết hôn với nhau là tự nguyện. Đăng ký ngày 20/07/1991 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện V, tỉnh Hoàng Liên Sơn nay là tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại thôn N, xã C, huyện V, tỉnh Hoàng Liên Sơn lúc bấy giờ nay là tỉnh Yên Bái. Vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 10/2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do tôi và anh N tính tình không hợp nhau, anh N thường xuyên chơi bời cờ bạc, nghiện ngập và không tu chí làm ăn. Mâu thuẫn vợ chồng xảy ra đã được hai bên gia đình khuyên giải nhưng bản thân anh N không thay đổi vẫn tiếp tục chửi bới và đe dọa tôi. Hiện nay chúng tôi vẫn sống cùng nhà nhưng không ai quan tâm đến việc làm của ai cả. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn. Đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn anh N.

Về con chung: Các cháu đã trưởng thành tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án. Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái đã nhiều lần báo gọi và gửi Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh N không có mặt theo các giấy tờ của Tòa án. Hiện nay hộ khẩu của anh N tại thôn N, xã C, huyện V, tỉnh Yên Bái. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các giấy tờ của Tòa án cho anh N. Chị Bùi Thị B là con dâu anh N đã trực tiếp nhận và thông báo, giao lại cho anh N. Anh N biết được việc chị N đang xin ly hôn anh nhưng anh cố tình trốn tránh không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án nên Tòa án không thể lấy lời khai và hòa giải theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự được.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái phát biểu ý kiến: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng dân sự, quyền và nghĩa vụ của các đương sự được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Nguyễn Danh N.

Về con chung: Các cháu đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 6 Điều 15 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị Nguyễn Thị N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp về Hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của Tòa án là đúng thẩm quyền được quy định tại điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã triệu tập bị đơn hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định tại điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tư cách người tham gia tố tụng: Tòa án đã xác định đúng tư cách của người tham gia tố tụng gồm nguyên đơn, bị đơn trong vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Danh N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện V, tỉnh Hoàng Liên Sơn cũ nay là tỉnh Yên Bái vào ngày 20 tháng 07 năm 1991 là hôn nhân hợp pháp. Chị N cho rằng sau khi kết hôn vợ chồng sống với nhau hạnh phúc đến tháng 10/2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng sống với nhau không hợp, anh N thường xuyên chơi bời cờ bạc, nghiện ngập và không tu chí làm ăn. Mâu thuẫn vợ chồng xảy ra đã được hai bên gia đình

khuyên giải nhưng bản thân anh N không thay đổi vẫn tiếp tục chửi bới và đe dọa chị N. Hiện nay anh chị vẫn sống cùng nhà nhưng không ai quan tâm đến việc làm của ai cả. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn. Chị N xin ly hôn anh N là có căn cứ.

Tại điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*”.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Đã xác định mâu thuẫn vợ chồng xảy ra dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn. Chị N và anh N hiện nay sống không ai quan tâm đến ai nữa. Từ đó có căn cứ cho rằng tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh N đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần áp dụng điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 để xử cho chị N được ly hôn anh N là có căn cứ.

[4] Về con chung: Các cháu đã trưởng thành chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị N thuộc hộ nghèo. Tại phiên tòa chị N có yêu cầu xin miễn án phí dân sự sơ thẩm. Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 6 Điều 15 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị Nguyễn Thị N được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[8] Phần đề nghị tại phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật. Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 điều 56; Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm b khoản 2 điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 6 Điều 15 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Nguyễn Danh N (tên gọi khác Nguyễn Danh L).

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Chị Nguyễn Thị N được hoàn trả lại số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: AA/2021/0001479 ngày 27 tháng 06 năm 2022 tại Thi hành án dân sự huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

3. Về quyền kháng cáo: Chị N được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh N vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- Các đương sự;
- UBND xã C.
- Lưu HS-TQĐ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Thị Thoảng